

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2022/HS-PT

Ngày: 09-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 108/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo N.V.V do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2022/HSST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo: N.V.V, sinh năm 1979 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số xxx/MQ, ấp MQ, xã TX, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông N.V.U và bà L.T.N; vợ: N.T.T.K; con: có 01 người con sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đỗ Thị Trâm - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Bị hại có liên quan đến kháng cáo: Anh N.T.L, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp Giồng Xoài, xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N.V.V, N.T.L và N.V.L (sinh năm 1984; nơi cư trú ở ấp Tân An, xã TX, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre) cùng đánh bắt thủy sản trên tàu cá BTxxxxxTS hiệu QT do anh T.N.N (sinh năm 1985; nơi cư trú ở ấp AL, xã AT, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre) làm chủ. Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/10/2021, khi tàu cá đang

neo đậu tại tọa độ 07°21'N - 105°57'E thuộc vùng biển Việt Nam, N.V.V xin anh N.T.L (là tài công của tàu cá) cho N.V.V vào đất liền về thăm gia đình, nhưng Lâm không đồng ý và nhắc nhở N.V.V không được lấy thức ăn trên tàu đem về gia đình như những lần trước. Do không được về đất liền và cho rằng N.T.L vu khống về việc lấy thức ăn, N.V.V bực tức lấy cái búa đóng đinh đánh vào miệng anh N.T.L liên tục 03 cái, anh N.T.L lấy tay đỡ và né trúng đầu và mặt gây thương tích. Thấy đầu anh N.T.L chảy máu, N.V.V bỏ búa không đánh nữa và cùng với anh N.V.L sơ cứu vết thương cho anh N.T.L. Sau đó, anh N.T.L được đưa vào đất liền đến bệnh viện cấp cứu điều trị.

Vật chứng thu giữ là: 01 chiếc búa dài 0,28m, nặng 0,7kg, cán bằng gỗ kích thước 0,25m x 0,025m x 0,03m, lưỡi búa bằng kim loại màu đen hình trụ kích thước 0,09m x 0,035m x 0,035m, chưa xử lý.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 20-0122/TgT ngày 26/01/2022, Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận N.T.L bị:

- Vết thương đỉnh chẩm 04cm hướng ngang ngang chảy máu, đã lành sẹo kích thước 2,5cm x 0,1cm: 01%;

- Sưng nề gò má trái, bầm mắt trái đã hết, gãy cung gò má trái: 08%;

- Nghẹt mũi, xương chính mũi biến dạng, hốc mũi phải hẹp, vách ngăn lệch sang phải, chẩn đoán vỡ xương chính mũi: 07%, điều trị nâng xương chính mũi sau chấn thương, hiện thở dễ.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 15%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tày gây ra.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2022/HS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo N.V.V phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo N.V.V 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 và 357 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo N.V.V phải bồi thường cho bị hại N.T.L số tiền 94.720.000 (chín mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lỗi suất do chậm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 03/10/2022 bị cáo N.V.V kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và giảm tiền bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm.

- Bị hại trình bày lời khai phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo N.V.V phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo; xét thấy với mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc nên chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; mức bồi thường thiệt hại xét thấy hợp lý nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo N.V.V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 và 357 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo N.V.V phải tiếp tục bồi thường cho bị hại N.T.L số tiền 94.720.000 (chín mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo tranh luận: xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và giảm bớt tiền mà bị cáo phải bồi thường cho bị hại.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là cao, chưa xem xét hết chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận hai bên có mâu thuẫn trước đó chứng tỏ hai bên đã có mâu thuẫn, phù hợp với kết quả xác minh của Đoàn Biên phòng nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Người làm chứng dù không trực tiếp chứng kiến việc đánh nhau nhưng có nghe la lớn tiếng trong buồn lái, người làm chứng có xác nhận bị cáo và bị hại có nhiều mâu thuẫn trong suốt quá trình đi tàu cá, vì có mâu thuẫn nhau nên bị cáo không kiềm chế được đã dùng búa đánh bị hại gây thương tích nên bị cáo phạm tội không có tính chất côn đồ. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết định khung tăng nặng theo điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo; vợ bị cáo bệnh tim, con còn nhỏ, bị cáo thuộc hộ nghèo, vì vậy áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị

cáo; về trách nhiệm dân sự bị cáo bồi thường thiệt hại do thu nhập của bị hại bị mất với số tiền 93.500.000 đồng là cao, nên xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 02 năm tù, giảm số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho bị hại từ 93.500.000 đồng xuống còn 15.600.000 đồng, miễn nộp tiền án phí cho bị cáo.

- Bị hại tranh luận: không đồng ý giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự cho bị cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và giảm bớt tiền mà bị cáo phải bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/10/2021, trên tàu cá BTxxxxxTS hiệu QT đang neo đậu tại tọa độ 07⁰21'N - 105⁰57'E thuộc vùng biển Việt Nam, chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhen trong cuộc sống mà bị cáo N.V.V đã có hành vi dùng búa là hung khí nguy hiểm đánh bị hại N.T.L gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 15%.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhen mà bị cáo đã dùng búa là hung khí nguy hiểm đánh bị hại gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 15%; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, nguyên nhân và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo N.V.V phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng hung khí nguy hiểm*” và “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo

không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã *bồi thường một phần thiệt hại* cho bị hại với số tiền 10.000.000 đồng theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *có cậu ruột là người có công với đất nước* theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bản thân không biết chữ nên khả năng nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế, sau khi gây thương tích cho bị hại đã sơ cứu vết thương cho bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo cho rằng bị cáo xin từ tàu về đất liền thăm gia đình nhưng bị hại không cho, bị hại còn nói bị cáo dùng lấy thức ăn trên tàu đem về nhà, bị cáo thấy bị xúc phạm và bức tức không kiềm chế được đã dùng búa đánh bị hại gây thương tích, bị cáo phạm tội không có tính chất côn đồ, xin được giảm nhẹ hình phạt và được giảm bớt tiền bồi thường cho bị hại; bị hại thì cho rằng có đồng ý cho bị cáo từ tàu về đất liền thăm gia đình, có chuẩn bị con ghẹ cho bị cáo lược đem về cho con bị cáo, bị hại không có ý nói bị cáo dùng lấy thức ăn trên tàu đem về nhà mà chỉ nói ám chỉ chung mọi người dùng lấy thức ăn chung trên tàu, nhưng bị cáo tự suy diễn và dùng búa đánh bị hại gây thương tích. Xét thấy về nguyên nhân, những lời nói của bị cáo và bị hại như nêu trên cũng chỉ là nguyên do nhỏ nhen trong cuộc sống, nhưng bị cáo đã lấy cái búa loại búa dùng đóng đinh là hung khí nguy hiểm đánh liên tục 03 cái trúng vào vùng đầu và vùng mặt là những vùng hiểm yếu trên cơ thể bị hại, gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 15%, điều đó đã thể hiện bản tính hung hăng, côn đồ, ý thức xem thường pháp luật và sức khỏe người khác của bị cáo, vì vậy bị cáo và người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo phạm tội không có tính chất côn đồ là không có cơ sở chấp nhận; bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, phạm tội với lỗi cố ý, đã xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe của bị hại, từ khi gây thương tích cho bị hại đến nay bị cáo chỉ mới bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, mức hình phạt 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra cho bị hại. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không

chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên phần hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[5] Xét kháng cáo yêu cầu giảm tiền bồi thường của bị cáo, thấy rằng:

** Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản tiền như sau:*

- Thu nhập thực tế bị mất từ ngày 24/10/2021 đến ngày 10/6/2022 (07 tháng 17 ngày) là: 129.000.000 đồng;

- Tiền câu mực bị mất trong thời gian từ ngày 24/10/2021 đến ngày 10/6/2022 là: 31.000.000 đồng;

- Tiền xe đi khám bệnh (4 lần) là: 1.800.000 đồng;

- Thu nhập bị mất của người nuôi bệnh trong thời gian 13 ngày x 250.000 đồng/ngày là: 3.250.000 đồng;

- Tiền ăn uống của người nuôi bệnh trong thời gian 13 ngày x 90.000 đồng/ngày là: 1.170.000 đồng.

Tổng cộng: 166.220.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã bồi thường trước.

** Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ yêu cầu bồi thường dân sự của bị hại, đã chấp nhận các khoản tiền bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường như sau:*

- Thu nhập thực tế của bị hại bị mất là: 93.500.000 đồng;

- Ghi nhận bị cáo đồng ý bồi thường tiền câu mực bị mất của bị hại là 5.000.000 đồng;

- Ghi nhận bị cáo đồng ý bồi thường các khoản tiền gồm: tiền xe đi khám bệnh (4 lần) là 1.800.000 đồng; thu nhập bị mất của người nuôi bệnh trong thời gian 13 ngày x 250.000 đồng = 3.250.000 đồng; tiền ăn uống của người nuôi bệnh trong thời gian 13 ngày x 90.000 đồng = 1.170.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là: 104.720.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã bồi thường trước, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 94.720.000 đồng.

Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm dân sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm tiền bồi thường, giữ nguyên phần trách nhiệm dân sự của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Riêng đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phân trách

nhệm dân sự là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[7] Quan điểm của người bào chữa đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt và giảm tiền bồi thường cho bị cáo là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí: bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N.V.V; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 48/2022/HS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo N.V.V 03 (ba) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 và 357 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo N.V.V phải tiếp tục bồi thường cho bị hại N.T.L số tiền: 94.720.000 (chín mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo N.V.V được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Ba Tri (3b);
- VKSND huyện Ba Tri (1b);
- Công an huyện Ba Tri (1b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- UBND xã TX, h. Ba Tri (1b);
- Bị cáo + người bào chữa (2b);
- Bị hại (1b)
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông